

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI  
HANOI MARITIME HOLDING COMPANY  
(MARINA HANOI)  
Năm báo cáo: 2010

## I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

### 1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập:

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội (Marina Hanoi) được thành lập theo giấy phép số 056428 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 và đã đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 01/12/2009. Ngày 01/01/1999, Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội chính thức đi vào hoạt động.

+ Niêm yết:

Ngày 21/3/2005 - Phiên giao dịch thứ 1000, cổ phiếu Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội chính thức được giao dịch tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán T/P Hồ Chí Minh.

Loại chứng khoán: Phổ thông

Mã chứng khoán: MHC

Mệnh giá: 10.000 đồng/CP

Số lượng chứng khoán niêm yết hiện nay: 13.555.514 CP

+ Các sự kiện khác:

**Năm 1999:** Marina Hanoi chính thức đi vào hoạt động, đã huy động vốn cổ đông cùng Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đầu tư xây dựng và khai thác Tòa nhà “Trung tâm Thông tin Thương mại Hàng hải Quốc tế Hà Nội” - Ocean Park Building; góp 50% vốn cùng Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đầu tư tàu container Phong Châu sức chở 1100 TEUS; tham gia góp vốn (15% vốn điều lệ) với Công ty TNHH Vận tải

Hàng công nghệ cao (Transvina); đầu tư đội xe chuyên dụng vận chuyển container; đầu tư tàu lai, xà lan cẩu nỗi phục vụ bốc xếp, chuyển tải tại khu vực phía Bắc.

**Năm 2000:** Lĩnh vực vận tải đa phương thức của Marina Hanoi đã phát triển ổn định, thị phần, doanh thu và số lượng khách hàng đều tăng. Các chi nhánh tại T/P Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng đều hoạt động hiệu quả.

**Năm 2001:** Đầu tư xây dựng bến tạm số 02 Dung Quất (Quảng Ngãi) để tham gia thực hiện việc thi công phần dưới nước đê chắn sóng Dung Quất. **Văn phòng đại diện giao dịch của Marina Hanoi tại Quảng Ngãi** được thành lập nhằm triển khai và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

**Năm 2002:** Đầu tư mua tàu Ocean Park (tàu chuyên chở container với sức chở 450 TEU) và bước đầu triển khai hoạt động kinh doanh vận tải bằng tàu container. Vào tháng 11 năm 2002, **Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội** được thành lập với mục đích tập trung chuyên môn hóa trong quản lý khai thác Tòa nhà Ocean Park.

**Năm 2003:** Đầu tư mua 700 container 20 feet và 150 container 40 feet để tăng cường và phát triển dịch vụ vận chuyển container.

**Năm 2004:** Đầu tư thêm một số tài sản phương tiện sản xuất và vận tải. Công ty đã thuê mua thêm 50 container 40 feet và mua một xe nâng container Kalma mới.

**Năm 2005:** Thành lập **Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải đa phương thức** với mục đích phát triển dịch vụ kinh doanh, đa dạng các loại hình vận tải bao gồm đường bộ, đường biển và đường hàng không. Mở rộng mạng lưới đại lý ra nước ngoài nhằm phục vụ các tuyến vận tải container quốc tế. Ngày 21/3/2005 - Phiên giao dịch thứ 1000, cổ phiếu Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội (Mã chứng khoán: MHC) chính thức được giao dịch tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán T/P Hồ Chí Minh.

**Năm 2006:** Tháng 1 - 2006 khởi công xây dựng bến container Đông Hải (Hải Phòng); cho thuê định hạn tàu Noble River khai thác tuyến nội địa; thành lập chi nhánh Quảng Ngãi để tái khởi động việc thi công đê chắn sóng Dung Quất; đầu tư mua một số thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh; mua thêm 300 container 20 feet; đầu tư mua đầu kéo nâng tổng số đầu kéo của Marina Hanoi lên 38 chiếc.

**Năm 2007:** Hoàn thành thủ tục góp vốn vào Tòa nhà Ocean Park với tỉ lệ 19,76% - ký kết hợp đồng với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc Hợp tác khai thác Tòa nhà “Trung tâm Thông tin Thương mại Hàng hải Quốc tế Hà Nội” - Ocean Park Building; mua 01 tàu lai công suất 1200CV; mua 01 xe nâng container; mua 01 xà lan sức chở 24 teus phục vụ vận chuyển khu vực đồng bằng sông Cửu Long; mua tàu Ocean Asia chuyên chở container sức chở 950 TEU; nhận giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép tăng vốn từ 93 tỷ lên 140 tỷ.

**Năm 2008:** Mua tàu Achiever chuyên chở container sức chở 950 TEU; hoàn thành thủ tục chuyển đổi các chi nhánh của Công ty tại các khu vực Quảng Ninh, Hải Phòng, T/P Hồ Chí Minh, Cần Thơ thành các công ty TNHH một thành viên, nâng tổng số các công ty thành viên lên thành 04 công ty.

**Năm 2009:** Hoàn thành việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty (19,7%) tại Tòa nhà Ocean Park cho Tổng công ty Hàng hải Việt Nam với tổng trị giá chuyển nhượng là 4,65 triệu USD, tương đương 82,7 tỷ đồng; góp vốn thành lập Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (tháng 5/2009) với tỷ lệ vốn góp là 55% tương đương 82,5 tỷ đồng, đến tháng 9/2009 do khó khăn về mặt tài chính nên HĐQT Công ty đã họp và quyết nghị giảm tỷ lệ góp vốn xuống 31%; hoàn thành thủ tục phát hành cổ phiếu thường tăng vốn điều lệ từ 117.880.870.000 đồng lên 135.555.140.000 đồng.

Tuy nhiên, năm 2009 là một năm Công ty tiếp tục phải đối diện với những khó khăn khách quan về thị trường cho thuê tàu, thị trường vận tải nội địa nên Công ty đã không hoàn thành được kế hoạch SXKD đề ra và là năm đầu tiên Công ty có kết quả kinh doanh lỗ.

**Năm 2010:** Hoàn thành việc chuyển nhượng đội tàu container của Công ty theo chủ trương tái cơ cấu đội tàu; hoàn thành việc góp vốn vào Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An với tỷ lệ vốn góp là 31% tương đương 58.125.000.000 VNĐ và đến tháng 12/2010 Cảng Hải An đã đi vào hoạt động; chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao (Transvina) với giá 1,160 triệu USD; tiếp tục làm việc với Sở Tài chính Tỉnh Quảng Ngãi để làm thủ tục thu hồi vốn đầu tư của Công ty trên Bến số 2 - Cảng tổng hợp Dung Quất và tiến hành thủ tục

chuyển đổi hình thức sở hữu Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức từ Công ty TNHH một thành viên sang hình thức Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Do tình hình thị trường chứng khoán nói chung trong năm 2010 suy giảm cùng với hoạt động của Công ty nói riêng không hiệu quả nên giá cổ phiếu MHC giảm thấp dẫn đến việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược không thực hiện được.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010: Theo các số liệu thống kê dưới đây.

## 2. Quá trình phát triển:

+ Ngành nghề kinh doanh:

Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị; Vận tải đường thủy, đường bộ; Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa; Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Lai dắt tàu biển; Bốc xếp hàng hóa và container; Xây dựng công trình giao thông; Đại lý hàng hải; Khai thác cảng và kinh doanh bến container; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Khai thuê hải quan.

+ Tình hình hoạt động:

Trong 10 năm hoạt động, Marina Hanoi đã luôn giữ vững được sự tăng trưởng và ổn định. Trên cơ sở đó đã lập hồ sơ gia nhập thị trường chứng khoán và trở thành một Công ty đại chúng năm 2005, tạo cơ hội tăng vốn điều lệ từ dưới 70 tỷ khi thành lập lên trên 135 tỷ năm 2009, bên cạnh đó đã đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ kinh doanh như mua thêm tàu, salan, xe nâng... đảm bảo cho việc kinh doanh được chủ động và hiệu quả.

Đã sử dụng nguồn vốn từ kinh doanh có lãi, cùng với uy tín của Công ty để vay vốn của các Ngân hàng lớn để sử dụng vào việc đầu tư vào các dự án trong và ngoài nước.

Trên thị trường vận tải Công ty cũng đã tạo dựng cho mình trở thành một Công ty có uy tín và chất lượng về dịch vụ, có thương hiệu trong ngành Hàng hải. Những kết quả như vậy là cả một sự nỗ lực của toàn thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên của Công ty.

Đến năm 2009 và năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không có hiệu quả, lợi nhuận trước thuế - 32,6 tỷ đồng (năm 2009) và - 43,6 tỷ đồng (năm 2010), nguyên nhân là do thị trường vận tải container nội địa cực kỳ khó khăn do lượng hàng ít và giá cước thấp nên doanh thu không đủ bù đắp chi phí.

### **3. Định hướng phát triển:**

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Sau một thập kỷ hình thành và phát triển Marina Hanoi xác định trở thành một Công ty vận tải biển có thị phần ổn định, bền vững, có uy tín ở trong nước và một số quốc gia trong khu vực Châu Á. Bên cạnh đó Marina Hanoi chú trọng đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ mang tính ổn định và lâu dài đó là đầu tư xây dựng và khai thác bến, bãi và cảng biển. Ngoài ra Marina Hanoi còn đầu tư và phát triển các dịch vụ về quản lý và kinh doanh bất động sản, đầu tư, góp vốn đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước về các lĩnh vực có liên quan.

Trong giai đoạn trước mắt 2011 - 2012: Sau năm 2010 đầy khó khăn, nhiều hoạt động có tính truyền thống của Marina Hanoi không đem lại hiệu quả mong muốn mặc dù cũng đã có sự khởi sắc. Với dự kiến tình hình kinh tế xã hội năm 2011 có thể có những bước phát triển tốt cùng với tình hình kinh tế thế giới cũng có khả năng ổn định hơn tác động tới thị trường trong nước, do đó Công ty tập trung phát triển vào các công ty thành viên theo hướng: hoặc là duy trì mô hình hiện tại để đảm bảo các doanh nghiệp thành viên hoạt động SXKD ổn định và có lãi còn Công ty mẹ tập trung tìm hướng đầu tư mới; hoặc là, sáp nhập các công ty thành viên lại để hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, tăng tính cạnh tranh, tập trung đầu tư để tạo sức bật mới theo kịp sự phát triển của thị trường.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Về đầu tư: Tích cực tìm kiếm đối tác chiến lược để mở rộng các hoạt động dịch vụ.

Về tài chính: Tích cực tìm nguồn hỗ trợ từ các tổ chức tín dụng, trong đó có việc phát hành trái phiếu. Tiếp tục duy trì hoạt động ổn định và bảo toàn vốn cổ đông.

## II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

**1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm** (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm 2010 và so với kế hoạch):

- Doanh thu: 130,6 tỷ đồng (Đạt 90,75 % so với kế hoạch)
- Lợi nhuận: - 43,6 tỷ đồng

### **2. Những thay đổi chủ yếu trong năm:**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đã bầu mới và bầu lại Hội đồng quản trị mới với 05 thành viên, phân công các chức danh, nhiệm vụ cho các thành viên HDQT.

Thanh lý đội tàu container, chuyển nhượng xong phần vốn góp tại Công ty Transvina.

Hoàn thành việc góp vốn vào Cảng Hải An (31%), tiếp tục đầu tư vào khu vực Hải Phòng (Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An, Quản lý Tòa nhà Hải An).

Tích cực thu hồi phần vốn góp tại khu vực Dung Quất (Quảng Ngãi)

### **3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai** (thị trường dự tính, mục tiêu...)

- Tiếp tục việc tái cấu trúc doanh nghiệp theo hướng ưu tiên phái triển ngành nghề chính, lấy hiệu quả SXKD là mục tiêu chủ đạo. Ôn định hoạt động của các Công ty thành viên.

- Mở rộng đầu tư sang các hoạt động có khả năng sinh lời cao như kho bãi, cảng, bất động sản,... trên cơ sở vốn thu hồi từ các dự án đầu tư trước đây.

## III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc:

### **1. Báo cáo tình hình tài chính**

- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

	Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010
I	Tài sản ngắn hạn	121.633.423.267	124.976.494.025
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	12.034.776.719	12.567.326.902
2	Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn	355.000.000	7.106.132.600
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	91.704.502.193	94.440.525.492
4	Hàng tồn kho	5.650.330.216	154.042.591

5	Tài sản ngắn hạn khác	11.888.814.139	10.708.466.440
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>298.594.561.000</b>	<b>133.620.077.238</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	236.303.739.459	62.363.268.363
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	43.116.621.809	69.479.841.925
5	Tài sản dài hạn khác	19.174.199.732	1.776.966.950
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>420.227.984.267</b>	<b>258.596.571.263</b>
<b>III</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>287.671.924.076</b>	<b>160.307.740.897</b>
1	Nợ ngắn hạn	209.723.309.458	103.352.858.679
2	Nợ dài hạn	77.948.614.618	56.954.882.218
<b>IV</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>132.556.060.191</b>	<b>95.883.146.018</b>
1	Vốn chủ sở hữu	132.556.060.191	95.883.146.018
<b>IV</b>	<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>		<b>2.405.684.348</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>420.227.984.267</b>	<b>258.596.571.263</b>

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010
<b>1</b>	<b>Khả năng sinh lời</b>		
	- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	-33,41%
	- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản (ROA)	%	-16,88%
	- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu (ROA)	%	-45,54%
<b>2</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>		
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,19
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,61
<b>3</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>		
	- Tài sản ngắn hạn trên Tổng Tài sản	%	48,32%
	- Tài sản dài hạn trên Tổng Tài sản	%	51,68%
<b>4</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>		
	- Nợ phải trả trên Tổng Nguồn vốn	%	61,99%

- Vốn Chủ sở hữu trên Tổng Nguồn vốn	%	37,07%
--------------------------------------	---	--------

- Giá trị sổ sách vốn CHS tại thời điểm 31/12/2010 là: **95.883.146.018 VNĐ**

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Năm 2010, theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Công ty dự kiến phát hành cổ phiếu cho cổ đông riêng lẻ nhưng do bất lợi về thị trường chứng khoán cũng như giá cổ phiếu MHC xuống thấp nên việc phát hành không thành công. Do vậy, số lượng cổ phiếu của Công ty vẫn là 13.555.514 CP.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): Toàn bộ số cổ phiếu của Công ty (13.555.514 CP) là cổ phiếu thường.

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 13.555.394 CP

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): 120 CP

- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: Không

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: 1.000 đ

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	(%) Hoàn thành
I	<u><b>Doanh thu hoạt động SXKD chính, trong đó:</b></u>			
	- Doanh thu vận tải nội địa	58.000.000	36.500.000	62,93%
	- Đại lý tàu	22.000.000	17.000.000	77,27%
	- Doanh thu vận tải bộ	22.000.000	32.800.000	149,09%
	- Doanh thu vận tải sông	20.000.000	19.500.000	97,50%
	- Doanh thu lai dăt	15.000.000	16.000.000	106,67%
	- Dịch vụ quản lý tòa nhà	7.000.000	8.800.000	125,71%
II	<b>Tổng Lợi nhuận sau thuế</b>		(43.671.549.348)	

Năm 2010 là năm khó khăn trong hoạt động kinh doanh của Marina Hanoi do thị trường vận tải biển và dịch vụ (ngành nghề hoạt động chính của Công ty) vẫn trong giai đoạn suy thoái kéo dài. Một số tuyến vận tải, loại hình vận tải có dấu hiệu phục hồi, tuy nhiên còn rất không ổn định. Giá cước có tăng, tuy nhiên nguồn thu vẫn chưa đủ bù đắp chi phí, nhất là chi phí nhiên liệu tăng liên tục. Ngoài ra, chi phí lãi vay rất cao, việc vay vốn ngân hàng cũng rất khó khăn, trực tiếp ảnh hưởng tới việc tổ chức kinh doanh của Công ty.

Mặc dù khó khăn như vậy, trong năm qua Công ty cũng đã cố gắng hoàn thành một số dự án sau:

- Thanh lý đội tàu container (03 chiếc)
- Chuyển nhượng xong phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao (Transvina) với mức giá 1,160 triệu USD.
- Hoàn thành việc góp vốn vào Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (Công ty Marina Hanoi chiếm 31% vốn điều lệ), Cảng Hải An đã bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 12/2010.
- Tích cực thu hồi phần vốn đã đầu tư vào khu vực Dung Quất và Công ty Lũng Lô.

### **3. Những tiến bộ công ty đã đạt được**

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Sau khi các Công ty thành viên trong khối khai thác container đi vào hoạt động ổn định để duy trì hoạt động truyền thống đã đảm bảo công ăn việc làm cho nhân viên.

- Các biện pháp kiểm soát:

Các Công ty TNHH thành viên sau khi đi vào hoạt động ổn định đã ban hành các quy chế về lao động, hành chính và các quy chế có liên quan trực tiếp đến công việc hoạt động SXKD của mình. Các quy chế này được gửi về Công ty mẹ để kiểm soát và gửi cho các công ty thành viên để cùng phối hợp thực hiện có hiệu quả.

Công ty Marina Hanoi thực hiện nghiêm túc các quy chế quản lý tài chính, lao động ...., hướng dẫn các công ty thành viên thực hiện đúng các quy định của Công ty và của Nhà nước.

#### **4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011:**

Ôn định sản xuất kinh doanh, cố gắng duy trì và phát triển các mảng dịch vụ truyền thống mang lại nguồn thu ổn định cho Doanh nghiệp như: Vận tải bộ, Vận tải sông, Lai dắt tàu biển, Đại lý hàng tàu nước ngoài, Dịch vụ quản lý tòa nhà Văn phòng.

Tìm kiếm các đối tác, các Tổ chức Tài chính để phát hành tăng vốn phục vụ cho việc phát triển kinh doanh và đầu tư tàu mới (tàu trẻ, sức chở tốt, chi phí khai thác thấp) khi có cơ hội.

Tìm kiếm thuê tàu thích hợp để tiếp tục khai thác vận tải Biển khi thị trường phục hồi.

Xúc tiến tìm hiểu và thành lập một số Liên doanh nhằm tận dụng ưu thế của đối tác về tài sản, thị trường cũng như kinh nghiệm và năng lực quản lý.

Hoàn thành việc thu hồi vốn đầu tư tại Cảng tổng hợp Dung Quất và Công ty Lũng Lô.

#### **Dự kiến một số chỉ tiêu cơ bản năm 2011 như sau:**

- Doanh thu: Đơn vị tính: 1.000 đ

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2011
	<u>Doanh thu hoạt động SXKD chính, trong đó:</u>	<u>160.000.000</u>
1	- Doanh thu vận tải biển	61.000.000
2	- Dịch vụ đại lý	26.000.000
3	- Doanh thu vận tải bộ	24.000.000
4	- Doanh thu vận tải sông	22.000.000
5	- Doanh thu lai dắt	18.000.000
6	- Dịch vụ quản lý tòa nhà	9.000.000

Dự kiến doanh thu năm 2011 là **160 tỷ đồng**, tăng 10% so với thực hiện năm 2010.

- Lợi nhuận: Dự kiến lãi **10 tỷ đồng**

#### **IV. Báo cáo tài chính:** Theo Phụ lục số 01 đính kèm báo cáo

#### **V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán**

##### **1. Kiểm toán độc lập**

- Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY

Địa chỉ: Tầng 6, 136 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 3.755 74 46                      Fax: 3.755 74 48

- Ý kiến kiểm toán độc lập và các nhận xét đặc biệt. (Theo Phụ lục số 01 đính kèm)

##### **2. Kiểm toán nội bộ:** Không

#### **VI. Các công ty có liên quan:**

\* Công ty thành viên do Marina Hanoi nắm 100% vốn:

##### **1. Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức (Marina Logistic)**

Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức (Marina Logistic): Giấy chứng nhận ĐKKD số 0104000179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 24/02/2005; ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải đường thủy, đường bộ; vận tải đa phương thức quốc tế; đại lý, môi giới tàu biển và hàng hóa; bốc xếp hàng hóa và container. Năm 2010, Công ty Marina Logistic đạt kết quả doanh thu 32,8 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 1,99 tỷ đồng;

Sang năm 2011, Công ty sẽ tiến hành thoái vốn từ Marina Logistic để giúp giải quyết nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ cũng như trang trải công nợ

##### **2. Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội (HPM)**



Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà Nội (HPM): Giấy chứng nhận ĐKKD số 0104000071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 12/11/2002; ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ cho thuê văn phòng; kinh doanh siêu thị, nhà hàng; xúc tiến thương mại; tổ chức hội chợ triển lãm; đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; kinh doanh quản lý bất động sản. Năm 2010, Công ty HPM đạt kết quả doanh thu 6,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 389 triệu đồng;

### **3. Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải phòng (Marina Haiphong)**

Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng (Marina Haiphong): Giấy chứng nhận ĐKKD số 0204001392 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 28/7/2008; ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý, ký gửi hàng hóa; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải ven biển và viễn dương; vận tải đường thủy nội địa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác. Năm 2010, Công ty Marina Haiphong đạt kết quả doanh thu 42,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 114 triệu đồng;

### **4. Công ty TNHH MTV Hàng hải Hà Nội phía Nam (SHMC)**

Công ty TNHH MTV Hàng hải Hà Nội phía Nam (SHMC): Giấy chứng nhận ĐKKD số 4104006041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư T/P Hồ Chí Minh cấp ngày 08/9/2008; ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý bán hàng hướng hoa hồng; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; khai thuê hải quan; dịch vụ giao nhận hàng hóa; lai dắt tàu biển. Năm 2010, Công ty SHMC đạt kết quả doanh thu 45,1 tỷ đồng, lợi nhuận: - 1,62 tỷ đồng;

## **VII. Tổ chức và nhân sự**

- Cơ cấu tổ chức của công ty: Theo sơ đồ tổ chức Công ty tại Phụ lục số 02 đính kèm báo cáo

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. Tổng Giám đốc: **Nguyễn Quang Phúc** Nam Bí danh: **Không**  
Ngày tháng năm sinh: **28/4/1964** Nơi sinh: **Hà Nội**  
Số CMND (hoặc hộ chiếu, các tài liệu chứng thực khác): **023322698**  
Quốc tịch: **Việt Nam**  
Nơi đăng ký HKTT: **3A5 Cư xá 304, F. 25, Quận Bình Thạnh, T/P Hồ Chí Minh**  
Chỗ ở hiện tại: **3A5 Cư xá 304, F. 25, Quận Bình Thạnh, T/P Hồ Chí Minh**  
Địa chỉ liên lạc: **3A5 Cư xá 304, F. 25, Quận Bình Thạnh, T/P Hồ Chí Minh**  
Điện thoại, fax, e-mail: **3.5770810 - 0908232468 - phucnq@marinahanoi.com.vn**  
Trình độ văn hóa: **10/10**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế Ngoại thương**

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

- 1981 - 1985: Đại học Ngoại thương Hà Nội chuyên ngành Kinh tế Ngoại thương

Quá trình công tác:

- 1986 - 1988: Chuyên viên Tổng cục đường biển

- 1989 - 2002: Trưởng phòng Marketing Công ty LD Gematrans

- 2003 - 2005: Phó GĐ Công ty VTB Văn Lang - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam

- 2006 - 2008: Phó Tổng GĐ Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội

- 2008 - nay: Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội

2. Kế toán trưởng: **Hoàng Duy Anh** Nam Bí danh: **Không**

Ngày tháng năm sinh: **20/8/1968** Nơi sinh: **Vĩnh Phúc**

Số CMND (hoặc hộ chiếu, các tài liệu chứng thực khác): **111403012**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Nơi đăng ký HKTT: **Tập thể Vật lý 79, Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội**

Chỗ ở hiện tại: **Tập thể Vật lý 79, Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội**

Địa chỉ liên lạc (thường xuyên): **Tập thể Vật lý 79, Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội**

Điện thoại, fax, e-mail: **0912482365 - anhhd@marinahanoi.com.vn**

Trình độ văn hóa: **10/10**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế**

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

- 1985 - 1989: Đại học Tài chính - kế toán chuyên ngành Kế toán

Quá trình công tác:

- 1989 - 1990: Cán bộ kế toán tổng hợp Viện nghiên cứu chăn nuôi

- 1991 - 1998: Cán bộ kế toán tổng hợp Liên đoàn vật lý địa chất

- 1999 - 2007: Cán bộ kế toán tổng hợp Chi nhánh Công ty LD Gematrans tại Hà Nội

- 2007 - nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban Tài chính - Kế toán Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội

- Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: Không

- Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc: Tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác của Ban Tổng Giám đốc: Được hưởng theo chế độ lương, thưởng của Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: Tổng số cán bộ, nhân viên toàn Công ty tính đến ngày 31/12/2010 là 248 lao động. Toàn bộ cán bộ nhân viên của Công ty đều được hưởng các chế độ lương, thưởng, các chế độ phúc lợi xã hội và các chế độ khác theo quy định của Nhà nước và của Công ty.

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng trong năm:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 tổ chức ngày 27/6/2010 đã bầu lại và bầu mới Hội đồng quản trị (05 thành viên) và Ban Kiểm soát (03 thành viên).

## **VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty**

### **1. Hội đồng quản trị Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:**

- Thành viên và cơ cấu của HDQT, Ban kiểm soát:

\* **Hội đồng quản trị:** 05 thành viên (02 thành viên chuyên trách và 03 thành viên kiêm nhiệm)

1. Nguyễn Quốc Dũng - Chủ tịch HDQT

2. Nguyễn Quang Phúc - Thành viên kiêm Tổng Giám đốc

3. Nguyễn Hồng Minh - Thành viên kiêm Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà Nội

4. Vũ Thanh Hải - Thành viên Giám đốc Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức

5. Trần Khắc Nguyên - Thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội phía Nam

\* **Ban kiểm soát:** 03 thành viên (03 thành viên độc lập)

1. Nguyễn Trung Dũng - Trưởng ban

2. Đỗ Thành Đĩnh - Thành viên

3. Trần Thị Hải Yến - Thành viên

- Hoạt động của HĐQT: HĐQT tiến hành họp định kỳ theo quý để soát xét tình hình hoạt động SXKD của quý và đưa ra các kế hoạch cho thời gian tiếp theo. Ngoài ra, tùy vào tình hình cụ thể tại từng thời điểm, HĐQT tiến hành các cuộc họp bất thường để quyết nghị các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT để Ban điều hành triển khai. Tất cả các cuộc họp của HĐQT đều được Thư ký Công ty ghi chép đầy đủ và lưu trữ. Tháng 8 năm 2010 Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT để điều chỉnh các hoạt động của HĐQT.

- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên: Ngay sau Đại hội cổ đông thường niên 2010, Ban kiểm soát đã họp triển khai công việc, phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên của Ban và thực hiện cụ thể như sau:

Bám sát hoạt động SXKD của Công ty, của các công ty con và phân công thực hiện kiểm soát theo đúng Điều lệ và đã có những kiến nghị bằng văn bản sau kiểm tra gửi HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia một số buổi làm việc của ban lãnh đạo Công ty về thực hiện kế hoạch SXKD.

Giám sát thực hiện các quy chế nội bộ, quy chế tài chính và việc thực hiện chính sách đối với người lao động.

Kiểm tra quy trình thu thập và kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông thông qua thư của Công ty tiến hành về một số vấn đề triệu tập Đại hội đồng cổ đông, phát hành cổ phiếu thường ....

Xem xét báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh do Ban TC-KT và Tổng Giám đốc chuẩn bị.

Lựa chọn tổ chức kiểm toán, phối hợp làm việc với tổ chức kiểm toán về báo cáo tài chính để cùng tìm hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán.

Theo dõi ý kiến cổ đông qua các kênh thông tin và Phòng Quan hệ cổ đông.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

Hoàn thiện và ban hành các quy chế quản trị nội bộ như Quy chế Ban kiểm soát và Quy chế Ban Tổng Giám đốc.

- Thủ lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành

\* **Hội đồng quản trị:** 175 triệu đồng, cụ thể:

1. Nguyễn Quốc Dũng - Chủ tịch HĐQT: 35 triệu đồng
2. Nguyễn Quang Phúc - Thành viên kiêm Tổng Giám đốc: 35 triệu đồng
3. Nguyễn Hồng Minh - Thành viên kiêm Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà Nội: 35 triệu đồng
4. Vũ Thanh Hải - Thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải đa phương thức: 35 triệu đồng
5. Trần Khắc Nguyên - Thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội phía Nam: 35 triệu đồng

\* **Ban kiểm soát:** 42 triệu đồng, cụ thể:

1. Nguyễn Trung Dũng - Trưởng ban: 14 triệu đồng
2. Đỗ Thành Đĩnh - Thành viên: 14 triệu đồng

### 3. Trần Thị Hải Yến - Thành viên: 14 triệu đồng

- Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: **01**

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT: **Không thay đổi**

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu MHC của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

#### 1. Vũ Hồng Vân: Vợ thành viên HĐQT Nguyễn Xuân Phương (trước ĐHCĐ 2010)

- + Số lượng CP nắm giữ: 46.575 CP
- + Số lượng CP giao dịch bán: 46.570 CP
- + Số lượng CP còn lại: 05 CP
- + Lý do giao dịch: Giải quyết việc gia đình

#### 2. Hoàng Duy Anh: Kế toán trưởng

- + Số lượng CP nắm giữ ban đầu: 0 CP
- + Số lượng CP giao dịch mua và bán: 100.000 CP
- + Số lượng CP còn lại: 0 CP
- + Lý do giao dịch: Đầu tư

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

#### 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

##### 2.1. Cổ đông góp vốn Nhà nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông Nhà nước:

Địa chỉ liên lạc: Tầng 16, 17, 18 Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh,  
Đống Đa, Hà Nội

Số lượng cổ phần sở hữu: **698.625 CP**

Tỷ lệ cổ phần sở hữu: **5,15%**

## **2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập**

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập: 12 thành viên (Tính đến tháng 5/2010):

### **1. Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam**

- Địa chỉ: Số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

- Ngành nghề hoạt động: Kinh doanh vận tải biển; khai thác cảng, sửa chữa tàu biển, đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải; XNK phương tiện, vật tư, thiết bị chuyên ngành hàng hải, cung ứng lao động hàng hải cho các tổ chức trong và ngoài nước; kinh doanh vận tải đường thuỷ, đường bộ; sản xuất, mua bán, cho thuê phương tiện và thiết bị vận tải, bốc xếp chuyên ngành; phá dỡ phương tiện vận tải, bốc xếp cũ; xây dựng, lắp đặt trang thiết bị và hoàn thiện các công trình chuyên ngành; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; dịch vụ vui chơi, giải trí; đại lý giao nhận, bán buôn, bán lẻ hàng hoá, kinh doanh cửa hàng miễn thuế, cung ứng tàu biển; nhập khẩu nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ cho ngành; gia công chế biến hàng xuất khẩu; các hoạt động phụ trợ cho vận tải; kinh doanh kho ngoại quan, thông tin chuyên ngành; kinh doanh dịch vụ du lịch; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); vận tải đa phương thức; đại lý giao nhận, bán buôn, bán lẻ hàng hoá - chất đốt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ôtô; tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng; dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển, các dịch vụ hỗ trợ hoạt động đường thuỷ; tổ chức dịch vụ đại lý vận tải, bốc xếp các loại hàng hoá siêu trường, siêu trọng, hàng hoá thông thường, thiết bị máy móc, container bằng các phương tiện đường thuỷ, đường bộ trong và ngoài nước; giao nhận, vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu từ các cửa khẩu về kho hàng; thay mặt chủ hàng hoàn thành thủ tục hải quan; dịch vụ đưa đón thuyền viên; dịch vụ cung ứng vật tư, nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt; san lấp mặt bằng, cơ sở hạ tầng; kinh doanh kho, bãi; Kinh doanh dịch vụ logistics; sửa chữa tàu biển; xuất

Hàng/Đóng

khẩu lao động, đào tạo giáo dục định hướng và nghề nghiệp cho người đi làm việc ở nước ngoài; mua bán hàng hoá phục vụ người lao động đi xuất khẩu lao động bằng ngoại tệ hợp pháp; gia công, chế biến hàng xuất khẩu; kinh doanh nhập khẩu xăng dầu; Vận tải nhiên liệu; Tổ chức đại lý bán lẻ, cung ứng xăng dầu; kinh doanh xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng; kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; các hoạt động hỗ trợ cho vận tải: đường sắt, đường bộ, đường thuỷ, đường không, đường ống; dịch vụ đại lý bán vé máy bay; kinh doanh mua bán rượu, thuốc lá; kinh doanh bất động sản và hạ tầng giao thông.

- Số lượng cổ phần sở hữu: **698.625 CP**
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: **5,15%**

## 2. Công ty CP Vận tải biển Việt Nam

- Địa chỉ: Số 215 Trần Quốc Toản, Lạch Tray, Hải Phòng

- Ngành nghề hoạt động: Chủ tàu, quản lý và khai thác tàu container, tàu hàng rời và tàu dầu sản phẩm; vận tải đa phương thức; dịch vụ tài chính và bất động sản; thuê tàu, đại lý; dịch vụ vận tải; đại lý giao nhận đường hàng không và đường biển; cung cấp thuyền viên cho các chủ tàu nước ngoài; cung cấp phụ tùng, vật tư hàng hải; mua bán tàu, liên doanh liên kết; đại lý bán vé máy bay.

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP (Đã chuyển nhượng hết)
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 0%

## 3. Công ty CP Phát triển Hàng hải

- Địa chỉ: Số 11 Võ Thị Sáu, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

- Ngành nghề hoạt động: Kinh doanh kho, bãi; dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển; kinh doanh vận tải đa phương thức; khai thác hoặc làm đại lý cho thuê văn phòng, phương tiện, thiết bị, container; môi giới và thực hiện các dự án đầu tư nước ngoài; đóng mới, sửa chữa tàu biển, các phương tiện vận tải phục vụ khai thác dầu khí, vỏ container; dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK và khai thuê hải quan, địa lý cung ứng xăng dầu nội

địa; kinh doanh phương tiện, vật tư, thiết bị giao thông vận tải; xây dựng và kinh doanh nhà ở; vận tải xăng dầu bằng đường thủy.

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP (Đã chuyển nhượng hết)
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 0 %

#### **4. Công ty CP Container Phía Nam**

- Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Huệ, Quận 1, T/P Hồ Chí Minh

- Ngành nghề hoạt động: Kinh doanh khai thác kho bãi, cảng thông quan nội địa và dịch vụ giao nhận hàng hóa; thuê, cho thuê cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị chuyên dùng để bốc xếp, bảo quản và vận chuyển hàng hóa; kinh doanh văn phòng và các dịch vụ liên quan; tổ chức và thực hiện dịch vụ vận tải đa phương thức đối với container và các loại hàng hóa khác; Thực hiện các dịch vụ đại lý: container, tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, vận chuyển hàng hóa và hành khách hàng không, môi giới và cung ứng tàu biển; đóng mới và sửa chữa: container, các thiết bị, phương tiện bốc xếp, vận tải thủy bộ; Hoạt động chuyên doanh đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; mua bán thiết bị, vật tư ngành hàng hải, phương tiện vận tải - xếp dỡ; mua bán thiết bị máy móc, nguyên vật liệu, sản phẩm ngành in - ngành nhựa; mua bán sơn, sơn dầu, vecni; dịch vụ ủy thác XNK; dịch vụ khai thuê hải quan; Thuê và cho thuê tàu biển; kinh doanh bất động sản.

- Số lượng cổ phần sở hữu: **8.759 CP**
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: **0,06 %**

#### **5. Công ty container Phía Bắc**

- Địa chỉ: 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Ngành nghề hoạt động:

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP (Đã chuyển nhượng hết)
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 0 %

#### **6. Công ty CP Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế**

- Địa chỉ: Số 3, Lầu 5, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành, P. 12, Quận 4, T/P Hồ Chí Minh

- Ngành nghề hoạt động: Kinh doanh vận tải biển; dịch vụ hàng hải: đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển; cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải, quản lý tàu biển; tuyển, đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ để cung ứng lao động cho xuất khẩu; xuất khẩu lao động; cho thuê kho, bãi; đại lý liên hiệp vận tải; dịch vụ giao nhận hàng hóa; môi giới thương mại; dịch vụ khai thuê hải quan; kinh doanh vận tải container bằng đường biển, đường bộ; mua bán và cung ứng vật tư - thiết bị ngành hàng hải; mua bán phương tiện vận tải và thiết bị vật tư - phụ tùng, khoáng sản, kim loại màu, sắt thép, thiết bị điện tử, hàng nông lâm thủy sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc; mua bán dầu nhòn; mua bán máy, phụ tùng, vật tư cho hãng máy tàu nước ngoài; đại lý bán vé máy bay; kinh doanh bất động sản.

- Số lượng cổ phần sở hữu: **232.875 CP**

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: **1,72 %**

## 7. Đại lý Hàng hải Việt Nam

- Địa chỉ: Tòa nhà Habour View, Số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, T/P Hồ Chí Minh

- Ngành nghề hoạt động:

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP (Đã chuyển nhượng hết)

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 0 %

## 8. Vũ Công Tường

- Địa chỉ: G24, Đường số 9, Khu A Nam Thành Công, Đống Đa, Hà Nội

- Năm sinh: 1964

- Số lượng cổ phần sở hữu: **4.603 CP**

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: **0,03 %**

## 9. Nguyễn Văn Cường

- Địa chỉ: Số 3/221 Tô Hiệu, Hải Phòng

- Năm sinh: 1964

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP (Đã chuyển nhượng hết)

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 0 %

## 10. Nguyễn Minh Lợi

- Địa chỉ: Số 9/50 Cầu Đất, Hải Phòng

- Năm sinh: 1960

- Số lượng cổ phần sở hữu: **22.402 CP**

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: **0,17 %**

## 11. Trần Phước Tùng

- Địa chỉ: U26 Cư xá Vĩnh Hội, Bến Vân Đồn, T/P Hồ Chí Minh

- Năm sinh: 1966

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP (Đã chuyển nhượng hết)

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 0 %

## 12. Nguyễn Thanh Bình

- Địa chỉ: Số 20/6+7 Nguyễn Trường Tộ, Q. Tân Bình, T/P Hồ Chí Minh

- Năm sinh: 1964

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP (Đã chuyển nhượng hết)

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 0 %

### 2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

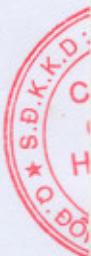
- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài: (Tính đến tháng 05/2010)

+ Cá nhân: 163 cổ đông, nắm giữ 432.591 CP, chiếm 3,19% vốn cổ phần

+ Tổ chức: 03 cổ đông, nắm giữ 13.208 CP, chiếm 0,097% vốn cổ phần

### 2.4. Cổ đông lớn

- Cá nhân: 01 cổ đông



- + Họ và tên: Bùi Đình Quý
- + Ngày tháng năm sinh: 28/10/1955
- + Địa chỉ liên lạc: 125B Tôn Thất Thuyết, P. 15, Quận 4, T/P Hồ Chí Minh
- + Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.004.340 CP (tính đến 31/12/2010)
- + Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 7,409%
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2011

**TÔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN QUANG PHÚC**

05/04/2011  
ÔN CỔ AN HÌNH/GT

## **PHỤ LỤC SỐ 01**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31/12/2010 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT  
THÚC NGÀY 31/12/2010 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
VÀ Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

3428  
G.T  
PHÂN  
G.H  
.NỘ  
A-TT

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI

Tầng 7, Tòa nhà Ocean Park, Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIÊM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2010 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng	Chủ tịch	
2. Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên	Bồ nhiệm ngày 27/06/2010
3. Ông Mai Đình Hùng	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/06/2010
4. Ông Vũ Ngọc Sơn	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/06/2010
5. Ông Nguyễn Quang Phúc	Thành viên	
6. Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên	
7. Ông Trần Khắc Nguyên	Thành viên	Bồ nhiệm ngày 27/06/2010

#### Ban Giám đốc

1. Ông Nguyễn Quang Phúc	Tổng Giám đốc
--------------------------	---------------

#### Ban Kiểm soát

1. Ông Nguyễn Trung Dũng	Trưởng ban
2. Ông Đỗ Thành Đĩnh	Thành viên
3. Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính năm 2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép và trình bày hợp lý, đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã được lập theo đúng Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quang Phúc  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

25/03/2011

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính của công ty được lập ngày 25/03/2011, trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Nhu đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Hạn chế trong xử lý kế toán**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 có đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc Công ty không trích khấu hao vào chi phí cho các tàu biển trong thời gian bị hỏng phải sửa chữa trong năm 2009 với giá trị 27.948.602.654 đồng. Tuy nhiên, trong năm 2010, Công ty đã tiến hành thanh lý toàn bộ số tàu biển này.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính do hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Đinh Văn Minh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1221KTV

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	<b>2.108.542.799</b>	<b>3.787.775.867</b>
Tiền	111		2.108.542.799	3.787.775.867
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		<b>606.132.600</b>	<b>355.000.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	637.812.600	355.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(31.680.000)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		<b>62.852.703.629</b>	<b>63.552.653.304</b>
Phải thu khách hàng	131		14.888.920.284	19.020.066.414
Trả trước cho người bán	132		7.221.145.056	5.942.184.443
Các khoản phải thu khác	135	V.03	49.277.625.144	44.284.903.143
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(8.534.986.855)	(5.694.500.696)
Hàng tồn kho	140			<b>5.542.928.716</b>
Hàng tồn kho	141	V.04		5.542.928.716
Tài sản ngắn hạn khác	150		<b>4.359.929.475</b>	<b>5.256.251.041</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.274.142.477	2.008.999.382
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		254.301.748	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.831.485.250	3.247.251.659
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>119.017.280.614</b>	<b>284.966.226.020</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.053.753.529</b>	<b>188.011.488.256</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	3.728.979.415	180.802.333.816
- Nguyên giá	222		10.203.230.323	292.727.330.973
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(6.474.250.908)	(111.924.997.157)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	1.137.461.064	4.021.841.390
- Nguyên giá	225		4.715.561.200	12.645.515.000
- Giá trị hao mòn luỹ kế	226		(3.578.100.136)	(8.623.673.610)
Tài sản cố định vô hình	227	V.07	746.493.800	746.493.800
- Nguyên giá	228		746.493.800	746.493.800
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	2.440.819.250	2.440.819.250
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	<b>109.976.135.685</b>	<b>79.441.814.624</b>
Đầu tư vào công ty con	251		47.617.135.685	37.485.158.415
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		59.859.000.000	30.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		2.500.000.000	11.956.656.209
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>987.391.400</b>	<b>17.512.923.140</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	540.891.400	17.066.423.140
Tài sản dài hạn khác	268		446.500.000	446.500.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>188.944.589.117</b>	<b>363.460.834.948</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		96.420.486.011	210.899.771.415
Nợ ngắn hạn	310		62.254.799.637	149.875.005.244
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	4.800.119.549	79.013.415.978
Phải trả người bán	312		20.167.538.271	30.783.310.872
Người mua trả tiền trước	313		11.745.071.268	14.461.843.561
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	422.301.410	1.101.466.204
Phải trả người lao động	315		493.281.311	3.186.730.934
Chi phí phải trả	316	V.13	18.236.394.280	17.879.911.172
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	5.145.178.277	1.490.724.252
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.244.915.271	1.957.602.271
Nợ dài hạn	330		34.165.686.374	61.024.766.171
Vay và nợ dài hạn	334	V.14	33.729.317.409	60.571.875.528
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		436.368.965	452.890.643
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		92.524.103.106	152.561.063.533
Vốn chủ sở hữu	410	V.16	92.524.103.106	152.561.063.533
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.555.140.000	135.555.140.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		24.001.910.000	24.001.910.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(1.200.000)	(1.200.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.626.488.418)	(2.491.613.188)
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.365.477.900	2.365.477.900
Quỹ dự phòng tài chính	418		6.346.747.810	6.346.747.810
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(74.117.484.186)	(13.215.398.989)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		188.944.589.117	363.460.834.948

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Người lập

Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng

Hoàng Duy Anh



Nguyễn Quang Phúc

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KÉ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại (USD)		1.021,93	156.952,03
Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Người lập

Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng

Hoàng Duy Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Phúc

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.17	9.352.518.592	28.885.611.014
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.17	9.352.518.592	28.885.611.014
Giá vốn hàng bán	11	V.18	41.078.589.491	79.720.808.041
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(31.726.070.899)	(50.835.197.027)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.19	24.686.815.182	57.237.297.314
Chi phí tài chính	22	V.20	15.922.576.586	15.307.518.291
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.952.934.119	10.295.737.120
Chi phí bán hàng	24		-	24.496.087
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.21	8.689.377.034	10.038.530.417
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(31.651.209.337)	(18.968.444.508)
Thu nhập khác	31	V.22	154.682.721.736	7.292.883.076
Chi phí khác	32	V.23	166.948.126.261	1.742.607.805
Lợi nhuận khác	40		(12.265.404.525)	5.550.275.271
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(43.916.613.862)	(13.418.169.237)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(43.916.613.862)</u>	<u>(13.418.169.237)</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.24	(3.240)	(1.116)

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Người lập

Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng

Hoàng Duy Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Phúc

**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	1	(43.916.613.862)	(13.418.169.237)
Khấu hao TSCĐ	2	3.750.122.537	9.815.210.831
Các khoản dự phòng	3	2.872.166.159	2.911.057.794
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	1.064.043.385	697.170.141
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5	(8.301.007.879)	(63.105.201.144)
Chi phí lãi vay	6	6.952.934.119	10.295.737.120
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	8	<i>(37.578.355.541)</i>	<i>(52.804.194.495)</i>
Tăng giảm các khoản phải thu	9	2.223.203.961	20.184.430.313
Tăng giảm hàng tồn kho	10	5.542.928.716	2.518.843.708
Tăng giảm các khoản phải trả	11	(24.382.657.806)	34.631.646.798
Tăng giảm chi phí trả trước	12	16.525.531.740	(7.875.973.876)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.734.604.922)	(8.863.778.095)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(630.000.000)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.023.710.000	30.828.981.081
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(35.210.000)	(14.636.919.375)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(40.045.453.852)</b>	<b>3.983.036.059</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(2.677.661.559)	(4.685.860.224)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	140.086.750.278	6.346.783.190
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(49.676.500.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	51.123.280.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(13.813.980.000)	(30.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	12.017.500.000	2.570.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.657.774.780	6.195.594.059
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>139.270.383.499</b>	<b>(18.126.702.975)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.916.042.876	40.245.642.738
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(102.579.920.082)	(41.586.998.405)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.240.285.509)	(3.225.678.452)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(100.904.162.715)</b>	<b>(4.567.034.119)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>(1.679.233.068)</b>	<b>(18.710.701.035)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.787.775.867	22.354.825.181
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	143.651.721
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	<b>2.108.542.799</b>	<b>3.787.775.867</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Người lập

Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng

Hoàng Duy Anh



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội, tên viết tắt là MARINA HA NOI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 056428 ngày 19/11/1998, đã đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 01/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội có trụ sở tại: Tầng 7, Tòa nhà Ocean Park, Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 135.555.140.000 đồng (trong đó Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nắm giữ 5,2%, cổ đông trong và ngoài Công ty nắm giữ 94,8%).

Từ ngày 21/03/2005, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là MHC.

**2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận tái hàng hóa;
- Buôn bán, sản xuất-tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Lai dắt tàu biển;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Đại lý hàng hải;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuế hải quan.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

#### 1. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ánh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### 3. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 4. LẬP DỰ PHÒNG

Công ty trích lập dự phòng tồn thất các khoản đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẨU HAO**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	14
Máy móc thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

**6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DẠNG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

**7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**10. CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định trong quá trình đầu tư được vốn hóa vào giá trị tài sản hoặc công trình khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Các khoản chi phí đi vay khác phát sinh được phản ánh vào kết quả kinh doanh.

**11. GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng là 25%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**13. NGOẠI TỆ**

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31/12/2010 được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này (tỷ giá 18.932 VND/USD) và được xử lý như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong các nghiệp vụ thanh toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán, đầu năm sau ghi bút toán đảo để xoá sổ dư.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Thông tư 201 có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực này tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Nếu áp dụng Chuẩn mực này, chi phí sẽ tăng lên là 865.124.770 VND.

S.D.K.K

11/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**14. BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	260.382.656	66.011.592
Tiền gửi ngân hàng	1.848.160.143	3.721.764.275
Cộng	<b>2.108.542.799</b>	<b>3.787.775.867</b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	-	637.812.600
+ Cổ phiếu Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - sông Hinh (VSH)	8.800	140.800.000
+ Cổ phiếu Tổng Công ty nước giải khát Sài Gòn	5.000	350.000.000
+ Cổ phiếu Công ty CP Giao nhận kho vận Ngoại thương (TMS)	5.052	147.012.600
+ Cổ phiếu Ngân hàng Á Châu	-	500
Cộng	<b>637.812.600</b>	<b>355.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Xây dựng Lũng Lô	31.407.307.919	31.274.818.010
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	10.317.940.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải	3.412.500.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hải Phòng	839.352.646	124.684.095
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	339.476.051	339.476.051
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	-	6.996.039.701
Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Đầu tư	663.629.654	-
Bất động sản Hà Nội	-	2.210.280.427
Seacon	-	235.439.874
Thuê bến Hải An (Kho CFS)	2.297.418.874	3.104.164.985
Phải thu khác		
<b>Cộng</b>	<b>49.277.625.144</b>	<b>44.284.903.143</b>

**4. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	5.542.928.716
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>-</b>	<b>5.542.928.716</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>01/01/2010</b>	<b>28.393.321.895</b>	<b>2.000.978.260</b>	<b>261.420.715.437</b>	<b>756.043.148</b>	<b>156.272.233</b>	<b>292.727.330.973</b>
- Mua trong năm	16.000.000	-	-	30.702.046	-	46.702.046
- Tặng khác	261.577.732	-	-	-	-	261.577.732
- Chuyển từ thuê tài chính	-	-	3.086.945.000	-	-	3.086.945.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.535.601.290)	(262.910.244.954)	(157.397.088)	-	(264.603.243.332)
- Giảm khác	(21.316.082.096)	-	-	-	-	(21.316.082.096)
<b>31/12/2010</b>	<b>7.354.817.531</b>	<b>465.376.970</b>	<b>1.597.415.483</b>	<b>629.348.106</b>	<b>156.272.233</b>	<b>10.203.230.323</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>01/01/2010</b>	<b>4.666.825.512</b>	<b>2.000.978.260</b>	<b>104.366.913.187</b>	<b>734.007.965</b>	<b>156.272.233</b>	<b>111.924.997.157</b>
- Khấu hao trong năm	1.025.348.124	-	960.435.105	20.563.662	-	2.006.346.891
- Chuyển từ thuê tài chính	-	-	3.086.945.000	-	-	3.086.945.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.535.601.290)	(107.181.302.236)	(157.397.088)	-	(108.874.300.614)
- Giảm khác	(1.669.737.526)	-	-	-	-	(1.669.737.526)
<b>31/12/2010</b>	<b>4.022.436.110</b>	<b>465.376.970</b>	<b>1.232.991.056</b>	<b>597.174.539</b>	<b>156.272.233</b>	<b>6.474.250.908</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>01/01/2010</b>	<b>23.726.496.383</b>		<b>157.053.802.250</b>	<b>22.035.183</b>		<b>180.802.333.816</b>
<b>31/12/2010</b>	<b>3.332.381.421</b>		<b>364.424.427</b>	<b>32.173.567</b>		<b>3.728.979.415</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2010 là 2.181.400.131 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH**

Tài sản cố định thuê tài chính là các vỏ Containers 40 và 20 feet theo hợp đồng thuê ngày 17/11/2004 giữa Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội và Interpool Limited.

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất dự án khu dân cư An Thới – BMT địa chỉ tại phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, thời hạn sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao cho tài sản cố định vô hình này.

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>Tổng số chi phí XDCB dở dang</b>	<b>2.440.819.250</b>	<b>2.440.819.250</b>
Trong đó:		
+ Chi phí khảo sát Dự án Cảng Phù Đổng	500.000.000	500.000.000
+ Chi phí thiết kế đóng tàu mới	1.940.819.250	1.940.819.250

**9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2010 Số lượng CP	Giá trị VND	31/12/2010 Số lượng CP	01/01/2010 Giá trị VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>		47.617.135.685		37.485.158.415
- Công ty TNHH Quản lý và KD Đầu tư BDS Hà Nội	-	12.953.716.493	-	8.953.716.493
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	-	8.826.740.174	-	2.694.762.904
- Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội Phía Nam	-	14.109.057.551	-	14.109.057.551
- Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng hải Hải Phòng	-	11.727.621.467	-	11.727.621.467
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>		59.859.000.000		30.000.000.000
- Công ty TNHH Hàng Hải Wallem	-	1.734.000.000	-	-
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	58.125.000.000	-	30.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		2.500.000.000		11.956.656.209
- Đầu tư cổ phiếu	-	2.500.000.000	-	5.700.000.000
Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	-	200.000	3.200.000.000	
Công ty CP Hải Minh	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	-	6.256.656.209	
Công ty TNHH VT hàng Công nghệ cao	-	-	6.256.656.209	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. **THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

10. **CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bảo hiểm	-	420.149.912
Chi phí thuê sân Golf	540.891.400	564.789.400
Chi phí lên đà tàu OP	-	2.332.858.749
Chi phí sửa chữa lõi tàu	-	13.748.625.079
<b>Cộng</b>	<b>540.891.400</b>	<b>17.066.423.140</b>

11. **VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn	-	32.604.362.385
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	4.800.119.549	43.839.803.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	2.569.250.593
<b>Cộng</b>	<b>4.800.119.549</b>	<b>79.013.415.978</b>

(\*) Xem thuyết minh số 15.

12. **THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	338.722.018	1.018.279.711
Thuế thu nhập cá nhân	83.579.392	83.186.493
<b>Cộng</b>	<b>422.301.410</b>	<b>1.101.466.204</b>

13. **CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí bảo hiểm tàu	475.655.263	3.039.782.203
Chi phí lãi vay	5.827.926.070	2.609.596.873
Chi phí vật tư tàu	486.165.509	1.097.978.174
Phí cảng và phí quản lý	5.973.387.031	6.247.666.233
Chi phí sửa chữa tàu	5.009.629.576	-
Chi phí môi giới	22.890.089	-
Chi phí phải trả khác	440.740.742	4.884.887.689
<b>Cộng</b>	<b>18.236.394.280</b>	<b>17.879.911.172</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2010	01/01/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn	33.310.777.840	58.200.074.431
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>33.310.777.840</i>	<i>58.200.074.431</i>
Nợ dài hạn	418.539.569	2.371.801.097
- <i>Thuê tài chính</i>	<i>418.539.569</i>	<i>2.371.801.097</i>
<b>Cộng</b>	<b>33.729.317.409</b>	<b>60.571.875.528</b>

Trong đó:

*Các khoản vay dài hạn*

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc 31/12/2010	Số dư nợ gốc phải trả năm tới	Phương thức đàm bảo khoản
				USD	USD	(USD)	

01/200							
8/HĐT	Ngân hàng	7,3%/năm	48 tháng	3.521.000	1.494.977,55		Tài sản thế chấp
D/MB-	TMCP Quân đội						
MHC							
<b>Cộng</b>				<b>3.521.000</b>	<b>1.494.977,55</b>		

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2010	Số dư nợ gốc phải trả năm tới	Phương thức đàm bảo vay
				VND	VND	(VND)	
1200-LAV-200900722	Sở giao dịch NHNN và PT Nông Thôn	Lãi suất thả nổi	60 tháng	9.619.450.000	7.233.571.000	2.225.668.000	Tài sản thế chấp
<b>Cộng</b>				<b>9.619.450.000</b>	<b>7.233.571.000</b>	<b>2.225.668.000</b>	

*Các khoản nợ thuê tài chính*

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2010	Số dư nợ gốc phải trả năm tới
				USD	USD	USD
HD ngày 03/01/07	Interpool Container Ltd.,	5,51%/năm	60 tháng	593.700	158.091,65	135.984,13
<b>Cộng</b>				<b>593.700</b>	<b>158.092</b>	<b>135.984</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Bảo hiểm xã hội	156.785.038	-
Kinh phí công đoàn	4.849.200	3.043.729
Bảo hiểm thất nghiệp	39.521.246	13.803.144
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.944.022.793	1.473.877.379
Trong đó		
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải <i>Đa phương thức</i>	3.875.708.286	-
- Công ty TNHH Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	672.486.500	555.597.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	395.828.007	918.280.379
Cộng	<b>5.145.178.277</b>	<b>1.490.724.252</b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

STT	Cổ đông	31/12/2010	
		Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	6.981.089.710	5,15%
2	Các cổ đông khác	128.574.050.290	94,85%
Cộng		<b>135.555.140.000</b>	<b>100%</b>

**16.2 Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	135.555.140.000	117.880.870.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	17.674.270.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	135.555.140.000	135.555.140.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỎ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

16.3 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2009	<u>117.880.870.000</u>	<u>24.001.910.000</u>	<u>(1.200.000)</u>		<u>-</u>	<u>20.039.747.900</u>	<u>6.346.747.810</u>	<u>(938.447.359)</u>	<u>167.329.628.351</u>
- Tăng vốn trong năm trước	<u>17.674.270.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>		<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>17.674.270.000</u>
- Tăng khác	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>		<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.141.217.607</u>	<u>1.141.217.607</u>
- Lỗ trong năm trước	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>		<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(13.418.169.237)</u>	<u>(13.418.169.237)</u>
- Giảm khác	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(2.491.613.188)</u>	<u>(17.674.270.000)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(20.165.883.188)</u>	<u>-</u>
31/12/2009	<u>135.555.140.000</u>	<u>24.001.910.000</u>	<u>(1.200.000)</u>	<u>(2.491.613.188)</u>	<u>2.365.477.900</u>	<u>6.346.747.810</u>	<u>(13.215.398.989)</u>	<u>152.561.063.533</u>	
01/01/2010	<u>135.555.140.000</u>	<u>24.001.910.000</u>	<u>(1.200.000)</u>	<u>(2.491.613.188)</u>	<u>2.365.477.900</u>	<u>6.346.747.810</u>	<u>(13.215.398.989)</u>	<u>152.561.063.533</u>	
- Tăng khác (*)	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>		<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>49.557.693</u>	<u>49.557.693</u>
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>865.124.770</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>865.124.770</u>	<u>-</u>
- Lỗ trong năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>		<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(43.916.613.862)</u>	<u>(43.916.613.862)</u>
- Chuyển lỗ từ công ty con (**)	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>		<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(17.035.029.028)</u>	<u>(17.035.029.028)</u>
31/12/2010	<u>135.555.140.000</u>	<u>24.001.910.000</u>	<u>(1.200.000)</u>	<u>(1.626.488.418)</u>	<u>2.365.477.900</u>	<u>6.346.747.810</u>	<u>(74.117.484.186)</u>	<u>92.524.103.106</u>	

(\*): Là khoản điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm 2005, 2006 và 2007 theo Biên bản thanh tra thuế.

(\*\*): Là khoản kết chuyên kết quả kinh doanh năm 2009 của Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Đầu tư Bất động sản Hà Nội và Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các *thuyết minh* này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với *Báo cáo tài chính kèm theo*)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.4 Cổ phiếu**

	31/12/2010	01/01/2010
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	13.555.634	13.555.634
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.555.514	13.555.514
+ Cổ phiếu thường	<i>13.555.514</i>	<i>13.555.514</i>
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ Cổ phiếu thường	<i>120</i>	<i>120</i>
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.555.394	13.555.394
+ Cổ phiếu thường	<i>13.555.394</i>	<i>13.555.394</i>
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)	10.000	10.000

**17. DOANH THU BÁN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>9.352.518.592</b>	<b>28.885.611.014</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu bán xà lan cầu nồi M10	4.000.000.000	-
+ Doanh thu cung ứng dịch vụ hàng hải	3.432.768.896	26.296.825.878
+ Doanh thu lưu kho bãi	1.638.959.697	2.288.209.520
+ Doanh thu dịch vụ khác	210.335.454	300.575.616
+ Doanh thu cho thuê cầu bến, phao	70.454.545	-

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn vận tải	35.109.689.635	77.612.719.505
Giá vốn lưu kho bãi	1.247.399.476	2.025.088.665
Giá vốn cung ứng dịch vụ hàng hải	3.636.363.636	-
Giá vốn dịch vụ khác	1.085.136.744	82.999.871
<b>Cộng</b>	<b>41.078.589.491</b>	<b>79.720.808.041</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIÉP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIÉP)**

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	45.301.780	314.868.690
Lãi do chuyển nhượng vốn góp đầu tư	20.680.652.048	50.980.023.895
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.600.000.000	5.880.725.369
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	112.473.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	248.388.354	61.527.062
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	152.298
<b>Cộng</b>	<b>24.686.815.182</b>	<b>57.237.297.314</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	6.952.934.119	10.295.737.120
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài	56.500.000	236.064.300
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.001.689.281	3.854.477.255
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.064.043.385	697.170.141
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	31.680.000	-
Chi phí tài chính khác	1.815.729.801	224.069.475
<b>Cộng</b>	<b>15.922.576.586</b>	<b>15.307.518.291</b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	193.345.789	10.418.764
Chi phí nhân công	2.009.636.067	2.689.240.190
Khấu hao tài sản cố định	150.973.998	296.326.630
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.925.390.856	3.315.152.536
Chi phí bảo hiểm	22.539.319	27.175.574
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	4.378.650.545	3.670.673.499
Sửa chữa Tài sản cố định	8.840.460	29.543.224
<b>Cộng</b>	<b>8.689.377.034</b>	<b>10.038.530.417</b>

**22. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Nhượng bán tài sản cố định	144.546.116.662	5.846.783.190
Chênh lệch gộp vốn bằng tài sản	10.053.655.430	-
Các khoản khác	82.949.644	1.446.099.886
<b>Cộng</b>	<b>154.682.721.736</b>	<b>7.292.883.076</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**23. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhượng bán tài sản	166.922.916.261	11.097.900
Chi phí khác	25.210.000	1.731.509.905
<b>Cộng</b>	<b>166.948.126.261</b>	<b>1.742.607.805</b>

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(43.916.613.862)	(13.418.169.237)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(43.916.613.862)	(13.418.169.237)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.555.394	12.020.516
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(3.240)</b>	<b>(1.116)</b>

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Số dư với các bên liên quan*

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty TNHH Quản lý và KD ĐT Bất động sản Hà Nội	663.629.654	1.550.558.434
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	-	6.996.039.701
Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng Hải Hải Phòng	839.352.646	124.684.095
<b>Phải trả người bán</b>	<b>12.385.015</b>	-
Công ty TNNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	12.385.015	-
<b>Vay ngắn hạn</b>		6.500.000.000
Công ty TNNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	6.500.000.000
<b>Phải trả khác</b>	<b>4.548.194.786</b>	<b>555.597.000</b>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	3.875.708.286	-
Công ty TNHH Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	672.486.500	555.597.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Giao dịch với các bên liên quan*

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Vay vốn</b>	<b>1.321.320.666</b>	<b>7.500.000.000</b>
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	1.321.320.666	7.500.000.000
<b>Trả vốn vay</b>	<b>7.821.320.666</b>	-
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	7.821.320.666	-
<b>Thuê nhà</b>	<b>147.307.410</b>	<b>51.674.151</b>
- Công ty TNHH Quản lý và KD ĐT Bất động sản Hà Nội	147.307.410	51.674.151
<b>Cho thuê tàu, phương tiện vận tải</b>	<b>1.013.833.636</b>	<b>21.233.877.610</b>
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	513.270.000	19.070.899.046
- Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng Hải Hải Phòng	500.563.636	2.162.978.564
<b>Bán tài sản cố định</b>	<b>181.818.182</b>	-
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	181.818.182	-
<b>Góp vốn đầu tư</b>	<b>51.865.977.270</b>	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	8.631.977.270	-
Công ty TNHH Quản lý và KD ĐT Bất động sản Hà Nội	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	37.500.000.000	-
Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam	1.734.000.000	-
<b>Chuyển nhượng vốn góp tại cho đơn vị khác</b>	<b>11.875.000.000</b>	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	2.500.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	9.375.000.000	-

**2. Số liệu so sánh.**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán Kiểm toán (AASC). Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại để phù hợp với mục đích so sánh của Báo cáo tài chính này.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Người lập

Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng

Hoàng Duy Anh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÀNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 29



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty năm 2010 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng	Chủ tịch	
2. Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên	Bắt nhiệm ngày 27/06/2010
3. Ông Mai Đình Hùng	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/06/2010
4. Ông Vũ Ngọc Sơn	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/06/2010
5. Ông Nguyễn Quang Phúc	Thành viên	
6. Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên	
7. Ông Trần Khắc Nguyên	Thành viên	Bắt nhiệm ngày 27/06/2010

#### Ban Giám đốc

1. Ông Nguyễn Quang Phúc	Tổng Giám đốc
--------------------------	---------------

#### Ban Kiểm soát

1. Ông Nguyễn Trung Dũng	Trưởng ban
2. Ông Đỗ Thành Đĩnh	Thành viên
3. Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép và trình bày hợp lý, đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo đúng Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quang Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Số: /2011/UHY-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập tại ngày 28 tháng 03 năm 2011, trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Nhu đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

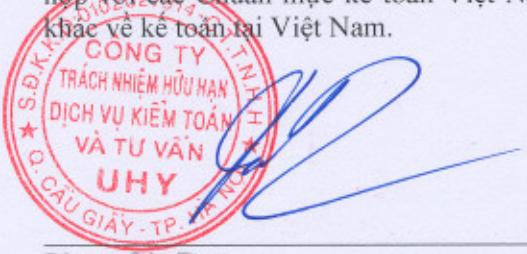
Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng cho sự xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Hạn chế trong xử lý kế toán**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 có đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc Công ty không trích khấu hao vào chi phí cho các tàu biển trong thời gian bị hỏng phải sửa chữa trong năm 2009 với giá trị 27.948.602.654 đồng. Tuy nhiên, trong năm 2010, Công ty đã tiến hành thanh lý toàn bộ số tàu biển này.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính do hạn chế nêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Hà Minh Long

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1221/KTV



**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TAI SAN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>TAI SAN NGAN HAN</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	100	V.01	124.976.494.025	121.633.423.267
Tiền	111		11.567.326.902	12.034.776.719
Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	7.106.132.600	355.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		7.137.812.600	355.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(31.680.000)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.440.525.492	91.704.502.193
Phải thu khách hàng	131		38.911.217.733	46.392.199.080
Trả trước cho người bán	132		7.637.213.399	6.508.427.799
Các khoản phải thu khác	135	V.03	58.351.015.513	46.238.501.827
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(10.458.921.153)	(7.434.626.513)
Hàng tồn kho	140	V.05	154.042.591	5.650.330.216
Hàng tồn kho	141		154.042.591	5.650.330.216
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.708.466.440	11.888.814.139
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		783.902.484	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.341.349.874	6.538.767.593
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		305.379.391	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		4.277.834.691	5.350.046.546
<b>TAI SAN DÀI HẠN</b>	200		133.620.077.238	298.594.561.000
Tài sản cố định	220		62.363.268.363	236.303.739.459
Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	58.038.494.249	199.835.425.063
- Nguyên giá	222		94.907.855.948	339.796.835.478
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(36.869.361.699)	(139.961.410.415)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	1.137.461.064	4.021.841.390
- Nguyên giá	225		4.715.561.200	12.645.515.000
- Giá trị hao mòn luỹ kế	226		(3.578.100.136)	(8.623.673.610)
Tài sản cố định vô hình	227	V.07	746.493.800	746.493.800
- Nguyên giá	228		746.493.800	746.493.800
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	2.440.819.250	31.699.979.206
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	69.479.841.925	43.116.621.809
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		65.479.841.925	30.107.082.000
Đầu tư dài hạn khác	258		4.000.000.000	13.009.539.809
Tài sản dài hạn khác	260		1.776.966.950	19.174.199.732
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	997.176.950	18.303.409.732
Tài sản dài hạn khác	268		779.790.000	870.790.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		<b>258.596.571.263</b>	<b>420.227.984.267</b>

**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		160.307.740.897	287.671.924.076
Nợ ngắn hạn	310		103.352.858.679	209.723.309.458
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	11.717.778.776	86.953.153.907
Phải trả người bán	312		38.488.976.473	69.134.863.534
Người mua trả tiền trước	313		11.844.264.025	14.563.783.645
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	1.136.504.396	1.818.891.733
Phải trả người lao động	315		1.914.622.639	4.834.800.137
Chi phí phải trả	316	V.13	20.890.652.299	20.929.989.674
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	16.103.418.573	9.509.318.330
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.256.641.498	1.978.508.498
Nợ dài hạn	330		<b>56.954.882.218</b>	<b>77.948.614.618</b>
Phải trả dài hạn khác	333		244.650.000	256.800.000
Vay và nợ dài hạn	334	V.15	56.199.516.503	77.188.851.525
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		510.715.715	502.963.093
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		<b>95.883.146.018</b>	<b>132.556.060.191</b>
Vốn chủ sở hữu	410	V.16	<b>95.883.146.018</b>	<b>132.556.060.191</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.555.140.000	135.555.140.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.056.477.155	24.001.910.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(1.200.000)	(1.200.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.248.405.049)	(3.289.472.741)
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.365.477.900	2.365.477.900
Quỹ dự phòng tài chính	418		6.346.747.810	6.346.747.810
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(76.191.091.798)	(32.422.542.778)
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỆU SỐ	439		<b>2.405.684.348</b>	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		<b>258.596.571.263</b>	<b>420.227.984.267</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Người lập

Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng

Hoàng Duy Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Phúc

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010*

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
Tài sản thuê ngoài			
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ngoại tệ các loại (USD)		175.842,30	163.102,93
Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011*

Người lập

Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng

Hoàng Duy Anh

Tổng Giám đốc



**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm /2010*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.17	130.683.346.736	173.552.085.143
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>V.17</b>	<b>130.683.346.736</b>	<b>173.552.085.143</b>
Giá vốn hàng bán	11	V.18	142.058.679.234	225.632.852.428
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(11.375.332.498)</b>	<b>(52.080.767.285)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.19	26.562.532.656	58.942.916.035
Chi phí tài chính	22	V.20	19.304.794.621	17.557.373.657
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>7.688.185.437</i>	<i>11.375.110.485</i>
Chi phí bán hàng	24		1.478.048.969	1.275.969.121
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.296.137.958	27.055.303.785
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(31.891.781.390)</b>	<b>(39.026.497.813)</b>
Thu nhập khác	31	V.21	155.994.985.600	9.360.682.849
Chi phí khác	32	V.22	167.109.849.136	2.789.011.615
Lợi nhuận khác	40		(11.114.863.536)	6.571.671.234
<b>Lợi nhuận/lỗ trong Công ty liên kết liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>(529.438.695)</b>	<b>-</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(43.536.083.621)</b>	<b>(32.454.826.579)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		135.465.727	41.278.658
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(43.671.549.348)</b>	<b>(32.496.105.237)</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		147.794.793	-
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		(43.819.344.141)	(32.496.105.237)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.23	(3.233)	(2.703)

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Người lập

Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng

Hoàng Duy Anh



Nguyễn Quang Phúc

**BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	1	(43.536.083.621)	(32.454.826.579)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	2	8.114.632.221	13.556.494.398
Các khoản dự phòng	3	3.055.974.640	4.157.459.344
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	1.066.991.488	697.170.141
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5	(9.863.122.033)	(64.154.903.205)
Chi phí lãi vay	6	7.688.185.437	11.375.110.485
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	8	(33.473.421.868)	(66.823.495.416)
Tăng giảm các khoản phải thu	9	(28.163.886.952)	8.347.161.347
Tăng giảm hàng tồn kho	10	5.496.287.625	4.841.862.424
Tăng giảm các khoản phải trả	11	14.714.802.239	64.144.820.565
Tăng giảm chi phí trả trước	12	16.522.330.298	(8.662.841.698)
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.869.624.144)	(9.863.151.460)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(750.355.616)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.249.288.751	33.512.684.152
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(105.851.455)	(8.618.559.973)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	(30.380.431.122)	16.878.479.941
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(12.960.228.061)	(35.168.482.142)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	141.399.014.142	7.244.081.891
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.500.000.000)	(49.676.500.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	51.123.280.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.417.500.000)	(31.159.965.600)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	10.261.096.400	2.570.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.395.534.006	6.347.997.419
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	127.177.916.487	(48.719.588.432)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	26.158.613.250	74.695.480.100
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(119.991.346.061)	(57.401.156.141)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.240.285.509)	(3.225.678.452)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	(96.073.018.320)	14.068.645.507
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	724.467.045	(17.772.462.984)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.034.776.719	29.762.718.137
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(191.916.862)	44.521.566
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	12.567.326.902	12.034.776.719

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Người lập

Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng

Hoang Duy Anh



Nguyễn Quang Phúc

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1. KHÁT QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội, tên viết tắt là MARINA HA NOI (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 056428 ngày 19/11/1998, đã đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 01/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội có trụ sở tại: Tầng 7, Tòa nhà Ocean Park, Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 135.555.140.000 đồng (trong đó Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nắm giữ 5,2%, cò đông trong và ngoài Công ty nắm giữ 94,8%).

Từ ngày 21/03/2005, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là MHC.

### 2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận tái hàng hóa;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Lai dắt tàu biển;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Đại lý hàng hải;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuế hải quan.

### 3 DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT

	Công ty	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2010 (%)	Trụ sở
1	Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	77,93%	Số 45, Triệu Việt Vương, Hà Nội
2	Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Đầu tư Bất động sản Hà Nội	34.000.000.000	100%	Toà nhà Ocean Park, Số 01, Đào Duy Anh, Hà Nội
3	Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội phía Nam	15.000.000.000	100%	Số 10, Đoàn Như Hải, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
4	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	15.000.000.000	100%	Tầng 4, Tòa nhà Hải An, đường Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****4 CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ÁNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Công ty	Tỷ lệ sở hữu của Công ty Mẹ (%)	Trụ sở
1	Công ty TNHH Hàng Hải Wallem	51,00 %	Số 10 Đoàn Như Hải, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
2	Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	31,74 %	Tầng 1, Tòa nhà Hải An, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, TP Hải Phòng
3	Công ty TNHH LD Bond Việt Nam (*)	20,00 %	

(\*) Trong đó, do chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty TNHH LD Bond Việt Nam, theo đó, khoản mục đầu tư vào Công ty liên kết này được thực hiện theo phương pháp giá gốc.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Mẹ và các Công ty con. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

**1. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**4. LẬP DỰ PHÒNG**

Công ty trích lập dự phòng tồn thất các khoản đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

**5. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DẠNG**

Chi phí xây dựng cơ bản dờ dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

**6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (TIẾP)****7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẨU HAO**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian sử dụng (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	14
Máy móc thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Tuy nhiên, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Bond Việt Nam được kế toán theo phương pháp giá gốc do chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty này.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**10. BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (TIẾP)****11. GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng là 25%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**13. CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định trong quá trình đầu tư được vốn hóa vào giá trị tài sản hoặc công trình khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Các khoản chi phí đi vay khác phát sinh được phản ánh vào kết quả kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****14. NGOẠI TỆ**

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31/12/2010 được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này (tỷ giá 18.932 VND/USD) và được xử lý như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong các nghiệp vụ thanh toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán, đầu năm sau ghi bút toán đảo để xoá sổ dư.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Thông tư 201 có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực này tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

**15. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội có các bộ phận quản lý theo đơn vị kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	992.271.520	6.582.345.195
Tiền gửi ngân hàng	10.575.055.382	5.452.431.524
Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>12.567.326.902</b>	<b>12.034.776.719</b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN**

	Số lượng	31/12/2010 Giá trị	01/01/2010 Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		637.812.600	355.000.000
+ <i>Cổ phiếu Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - sông Hinh</i>	8.800	140.800.000	-
+ <i>Cổ phiếu Tổng Công ty nước giải khát Sài Gòn</i>	5.000	350.000.000	5.000
+ <i>Cổ phiếu Công ty CP Giao nhận kho vận Ngoại thương (TMS)</i>	5.052	147.012.600	-
+ <i>Cổ phiếu Ngân hàng Á Châu</i>	-	500	5.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		6.500.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(31.680.000)	-
<b>Cộng</b>		<b>7.106.132.600</b>	<b>355.000.000</b>

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Xây dựng Lũng Lô	31.407.307.919	31.274.818.010
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	10.317.940.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải	3.412.500.000	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.766.047.811	1.766.047.811
Công nợ khó đòi chờ xử lý	1.315.608.380	1.315.608.380
Hàng tồn thất chờ xử lý	826.930.916	826.930.916
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hải Phòng	839.352.646	365.883.104
Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Đầu tư	663.629.654	1.550.558.434
Bất động sản Hà Nội		
Seacon		2.210.280.427
Thuê bến Hải An (kho CFS)		235.439.874
Chi phí thành lập công ty Wallem shipping		515.998.700
Công ty CP Quản lý và Khai thác tòa nhà VNPT		452.650.800
Phải thu khác	7.801.698.187	5.724.285.371
<b>Cộng</b>	<b>58.351.015.513</b>	<b>46.238.501.827</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

## 4. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc  VND	Máy móc thiết bị  VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn  VND	Thiết bị dụng cụ quản lý  VND	TSCĐ khác  VND	Tổng cộng  VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2010	28.393.321.895	2.018.787.784	306.642.430.498	2.586.023.068	156.272.233	339.796.835.478
- Mua trong kỳ	16.000.000	-	1.191.992.909	89.549.280	-	1.297.542.189
- Đầu tư XDCB hoàn thành	38.471.073.770	-	-	-	-	38.471.073.770
- Tăng khác	261.577.732	-	-	-	-	261.577.732
- Chuyển từ thuê tài chính	-	-	3.086.945.000	-	-	3.086.945.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.535.601.290)	(264.607.465.024)	(546.969.811)	-	(266.690.036.125)
- Giảm khác	(21.316.082.096)	-	-	-	-	(21.316.082.096)
31/12/2010	<b>45.825.891.301</b>	<b>483.186.494</b>	<b>46.313.903.383</b>	<b>2.128.602.537</b>	<b>156.272.233</b>	<b>94.907.855.948</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUÝ KÉ</b>						
01/01/2010	4.666.825.512	2.018.787.784	131.125.079.624	1.994.445.262	156.272.233	139.961.410.415
- Khäu hao trong kỳ	1.411.215.946	-	4.740.187.299	219.453.330	-	6.370.856.575
- Chuyển từ thuê tài chính	-	-	3.086.945.000	-	-	3.086.945.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.535.601.290)	(108.941.409.902)	(403.101.573)	-	(110.880.112.765)
- Giảm khác	(1.669.737.526)	-	-	-	-	(1.669.737.526)
31/12/2010	<b>4.408.303.932</b>	<b>483.186.494</b>	<b>30.010.802.021</b>	<b>1.810.797.019</b>	<b>156.272.233</b>	<b>36.869.361.699</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2010	<b>23.726.496.383</b>	<b>-</b>	<b>175.517.350.874</b>	<b>591.577.806</b>	<b>-</b>	<b>199.835.425.063</b>
31/12/2010	<b>41.417.587.369</b>	<b>-</b>	<b>16.303.101.362</b>	<b>317.805.518</b>	<b>-</b>	<b>58.038.494.249</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2010 là: 17.452.042.585 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	154.042.591	5.650.330.216
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>154.042.591</b>	<b>5.650.330.216</b>

**6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Tài sản cố định thuê tài chính là các vỏ Containers 40 và 20 feet theo hợp đồng thuê ngày 17/11/2004 giữa Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội và Interpool Limited.

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất dự án khu dân cư An Thới – BMT địa chỉ tại phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, thời hạn sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao cho tài sản cố định vô hình này.

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>Tổng số chi phí XDCB dở dang</b>	<b>2.440.819.250</b>	<b>31.699.979.206</b>
Trong đó: Những công trình lớn:		
+ Khảo sát Dự án Cảng Phù Đổng	500.000.000	500.000.000
+ Thiết kế đóng tàu mới	1.940.819.250	1.940.819.250
+ Phần thô tòa nhà Hải An	-	29.259.159.956

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí bảo hiểm	-	769.824.561
Chi phí thuê sân Golf	540.891.400	564.789.400
Chi phí lên đà tàu OP	-	2.332.858.749
Chi phí sửa chữa lón tàu	-	13.748.625.079
Chi phí công cụ dụng cụ	-	124.631.685
Chi phí trả trước dài hạn khác	456.285.550	762.680.258
	<b>997.176.950</b>	<b>18.303.409.732</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2010	01/01/2010		
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>65.479.841.925</b>		<b>30.107.082.000</b>
- Công ty TNHH Hàng Hải Wallem (*)		1.737.249.241	-	-
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)		63.635.510.684	-	30.000.000.000
- Công ty TNHH LD Bond Việt Nam (**)		107.082.000	-	107.082.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>4.000.000.000</b>		<b>13.009.539.809</b>
- Đầu tư cổ phiếu		2.500.000.000	-	5.700.000.000
Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải		-	200.000	3.200.000.000
Công ty CP Hải Minh	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
- Đầu tư dài hạn khác		1.500.000.000		7.309.539.809
Công ty TNHH VT hàng Công nghệ cao		-		6.256.656.209
Công ty CP Quản lý và Khai thác Tòa nhà VNPT	150.000	1.500.000.000	105.288	1.052.883.600
<b>Cộng</b>		<b>69.479.841.925</b>		<b>43.116.621.809</b>

(\*) Trong đó, các công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty	Tỷ lệ sở hữu vốn	Giá gốc VND	31/12/2010	
			Hợp nhất theo phương pháp	VCSH
Công ty TNHH Hàng Hải Wallem	51,00%	1.734.000.000	1.737.249.241	
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	31,74%	58.125.000.000	63.635.510.684	
<b>Cộng</b>		<b>59.859.000.000</b>	<b>65.372.759.925</b>	

(\*\*) Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính liên quan đến khoản góp vốn vào Công ty TNHH LD Bond Việt Nam, theo đó khoản này được phản ánh theo phương pháp giá gốc thay vì phương pháp vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**11. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn (*)	2.349.859.227	35.004.100.314
Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	9.367.919.549	49.379.803.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	2.569.250.593
<b>Cộng</b>	<b>11.717.778.776</b>	<b>86.953.153.907</b>

(\*): Chi tiết khoản vay ngắn hạn:

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay (/năm)	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay VND	Số dư nợ tại 31/12/2010 VND	Phương thức đảm bảo khoản vay
Khέ ước 5633 ngày 22/09/2010	Techcombank	13,70%	4 tháng	433.000.000	401.512.227	Thẻ chấp tài sản
Khέ ước 5647 ngày 27/09/2010	Techcombank	13,70%	4 tháng	345.097.000	345.097.000	Thẻ chấp tài sản
Khέ ước 5656 ngày 29/09/2010	Techcombank	13,70%	4 tháng	331.000.000	331.000.000	Thẻ chấp tài sản
Khέ ước 5762 ngày 09/11/2010	Techcombank	14,60%	4 tháng	140.700.000	140.700.000	Thẻ chấp tài sản
Khέ ước 5712 ngày 19/10/2010	Techcombank	13,70%	4 tháng	284.650.000	284.650.000	Thẻ chấp tài sản
Khέ ước 5730 ngày 26/10/2010	Techcombank	13,70%	4 tháng	213.000.000	213.000.000	Thẻ chấp tài sản
Khέ ước 5927 ngày 24/12/2010	Techcombank	16,70%	4 tháng	441.600.000	441.600.000	Thẻ chấp tài sản
Khέ ước 5943 ngày 29/12/2010	Techcombank	16,70%	4 tháng	192.300.000	192.300.000	Thẻ chấp tài sản
<b>Cộng</b>				<b>2.381.347.000</b>	<b>2.349.859.227</b>	

(\*\*) Xem thuyết minh 15

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế Giá trị gia tăng	60.523.093	174.730.507
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	436.188.430	1.049.558.369
Thuế Thu nhập cá nhân	159.945.118	213.518.098
Các loại thuế khác	479.847.755	381.084.759
<b>Cộng</b>	<b>1.136.504.396</b>	<b>1.818.891.733</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Trích trước chi phí bảo hiểm tàu	475.655.263	3.039.782.203
Chi phí lãi vay	5.916.177.789	2.689.596.873
Chi phí vật tư tàu	486.165.509	2.596.500.159
Phí cảng và phí quản lý	5.973.387.031	7.411.962.935
Chi phí sửa chữa tàu	5.434.629.576	-
Chi phí môi giới	22.890.089	-
Chi phí vận chuyển, sửa chữa, kiểm đếm	1.529.480.578	307.259.815
Chi phí phải trả khác	1.052.266.464	4.884.887.689
<b>Cộng</b>	<b>20.890.652.299</b>	<b>20.929.989.674</b>

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Kinh phí công đoàn	18.902.180	-
Bảo hiểm xã hội	265.272.418	184.111.923
Bảo hiểm y tế	73.660.131	26.114.772
Bảo hiểm thất nghiệp	51.848.232	-
Phải trả của dịch vụ đại lý giao nhận vận tải	12.417.260.771	6.330.051.831
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	750.530.000	629.760.000
Bà Ngô Thị Loan	750.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.775.944.841	2.339.279.804
<b>Cộng</b>	<b>16.103.418.573</b>	<b>9.509.318.330</b>

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay dài hạn	55.780.976.934	74.817.050.428
- Vay ngân hàng	55.780.976.934	74.817.050.428
Nợ dài hạn	418.539.569	2.371.801.097
- Thuê tài chính	418.539.569	2.371.801.097
<b>Cộng</b>	<b>56.199.516.503</b>	<b>77.188.851.525</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

## 15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)

*Các khoản vay dài hạn*

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay VND	Số dư nợ gốc tại 31/12/2010 VND	Số dư nợ gốc phải trả năm tới VND	Phương thức đảm bảo khoản vay
1200-LAV-200900722	Sở giao dịch NHNN và PT Nông Thôn	Lãi suất thả nổi	60 tháng	9.619.450.000	7.233.571.000	2.225.668.000	Tài sản thế chấp
1200-LAV-200801379 ngày 14/8/2008	Ngân hàng No&PTNT Chi nhánh Bách khoa	Lãi suất huy động tiền VND kỳ 12 tháng trả lãi sau của Agribank	60 tháng	26.600.000.000	17.168.091.094	4.155.000.000	Tài sản thế chấp
1200-LAV-200801379 ngày 14/8/2008	Ngân hàng No&PTNT Phòng Giao dịch Kim Liên	Lãi suất huy động tiền VND kỳ 12 tháng trả lãi sau của Agribank	60 tháng	-	4.612.108.000	-	Tài sản thế chấp
11.2009/HDTD/TH-PN/TCB HP-DVHH	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng (Techcombank)	Lãi suất thả nổi	48 tháng	770.000.000	370.000.000	192.000.000	Thế chấp tài sản
98.10.251.641356.	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội chi nhánh Hải Phòng (MB)	Lãi suất thả nổi	36 tháng	350.000.000	163.800.000	117.600.000	Thế chấp tài sản
131.10.251.641356	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội chi nhánh Hải Phòng (MB)	Lãi suất thả nổi	36 tháng	311.000.000	156.200.000	103.200.000	Thế chấp tài sản
<b>Cộng</b>				<b>37.650.450.000</b>	<b>29.703.770.094</b>	<b>6.793.468.000</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)**

*Các khoản vay dài hạn (tiếp)*

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2010	Số dư nợ gốc phải trả năm tới	Phương thức đảm bảo khoản vay
				USD	USD	USD	
01/2008/HDTD/M B-MHC	Ngân hàng TMCP Quân đội	7,3%/năm	48 tháng	3.521.000	1.494.978	-	Tài sản thế chấp
<b>Cộng</b>				<b>3.521.000</b>	<b>1.494.978</b>	-	

*Các khoản nợ thuê tài chính*

Thời hạn	Năm 2010				Năm 2009			
	Tổng khoản tiền thanh toán thuê tài chính		Lãi	Gốc	Tổng khoản tiền thanh toán thuê tài chính		Lãi	Gốc
	VND	VND			VND	VND		
5 năm	1.570.338.811	150.365.947	1.419.972.864		3.566.000.000	340.000.000		3.226.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.570.338.811</b>	<b>150.365.947</b>	<b>1.419.972.864</b>		<b>3.566.000.000</b>	<b>340.000.000</b>		<b>3.226.000.000</b>

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2010	Số dư nợ gốc phải trả năm tới
				USD	USD	USD
HD ngày 03/01/07	Interpool Container Ltd.,	5,51%/năm	60 tháng	593.700	158.091,65	135.984,13
<b>Cộng</b>				<b>593.700</b>	<b>158.092</b>	<b>135.984</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

STT	Cổ đông	31/12/2010	
		Tổng số vốn đã góp	Tỷ lệ vốn góp
		VND	%
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	6.981.089.710	5,15%
2	Các cổ đông khác	128.574.050.290	94,85%
	<b>Cộng</b>	<b>135.555.140.000</b>	<b>100,00%</b>

**16.2 Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	135.555.140.000	117.880.870.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	135.555.140.000	117.880.870.000

**16.3 Cổ phiếu**

	31/12/2010	01/01/2010
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	13.555.634	13.555.634
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.555.514	13.555.514
+ Cổ phiếu thường	13.555.514	13.555.514
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ Cổ phiếu thường	120	120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.555.394	13.555.394
+ Cổ phiếu thường	13.555.394	13.555.394
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)	10.000	10.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

## 16.4 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
01/01/2009	117.880.870.000	24.001.910.000	(1.200.000)	-	20.039.747.900	6.346.747.810	80.162.459	168.348.238.169
- Tăng vốn trong năm trước	17.674.270.000	-	-	-	-	-	-	17.674.270.000
- Tăng khác	-	-	-	133.822.010	-	-	-	133.822.010
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(32.496.105.237)	(32.496.105.237)
- Giám khác	-	-	-	(3.423.294.751)	(17.674.270.000)	-	(6.600.000)	(21.104.164.751)
31/12/2009	<u>135.555.140.000</u>	<u>24.001.910.000</u>	<u>(1.200.000)</u>	<u>(3.289.472.741)</u>	<u>2.365.477.900</u>	<u>6.346.747.810</u>	<u>(32.422.542.778)</u>	<u>132.556.060.191</u>
01/01/2010	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	(3.289.472.741)	2.365.477.900	6.346.747.810	(32.422.542.778)	132.556.060.191
- Tăng vốn trong năm (*)	-	-	-	-	-	-	49.557.693	49.557.693
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(43.671.549.348)	(43.671.549.348)
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	1.053.738.311	-	-	-	1.053.738.311
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	6.054.567.155	-	(12.670.619)	-	-	(528.136.611)	5.513.759.925
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	381.579.246	381.579.246
31/12/2010	<u>135.555.140.000</u>	<u>30.056.477.155</u>	<u>(1.200.000)</u>	<u>(2.248.405.049)</u>	<u>2.365.477.900</u>	<u>6.346.747.810</u>	<u>(76.191.091.798)</u>	<u>95.883.146.018</u>

(\*) Là khoản điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm 2005, 2006 và 2007 theo Biên bản thanh tra thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	130.683.346.736	173.552.085.143
Trong đó:		
+ Doanh thu vận tải	95.763.034.045	134.760.235.953
+ Doanh thu cung ứng dịch vụ hàng hải	5.573.554.644	12.839.170.957
+ Doanh thu bán xà lan cầu nồi M10	4.000.000.000	-
+ Doanh thu lưu kho bãi	1.696.677.364	4.842.182.532
+ Doanh thu hoạt động quản lý	5.217.080.891	9.351.420.909
+ Doanh thu dịch vụ khác	18.432.999.792	11.759.074.792

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn vận tải	85.312.137.067	206.844.141.124
Giá vốn lưu kho bãi	1.539.815.760	2.025.088.665
Giá vốn lai dắt tàu	12.367.146.861	9.400.067.783
Giá vốn hoạt động quản lý	3.248.098.870	4.768.026.276
Giá vốn dịch vụ khác	39.591.480.676	2.595.528.580
<b>Cộng</b>	<b>142.058.679.234</b>	<b>225.632.852.428</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	411.259.163	467.272.050
Lãi do chuyển nhượng vốn góp đầu tư	20.680.652.048	50.980.023.895
Cỗ tức, lợi nhuận được chia	3.600.000.000	5.880.725.369
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	210.475.795	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.627.742.326	1.614.742.423
Doanh thu hoạt động tài chính khác	32.403.324	152.298
<b>Cộng</b>	<b>26.562.532.656</b>	<b>58.942.916.035</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	7.688.185.437	11.375.110.485
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	56.500.000	236.064.300
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.001.689.281	5.024.959.256
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.064.043.385	697.170.141
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	31.680.000	-
Chi phí tài chính khác	4.462.696.518	224.069.475
<b>Cộng</b>	<b>19.304.794.621</b>	<b>17.557.373.657</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**21. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Nhượng bán tài sản cố định	145.858.380.526	7.258.081.891
Chênh lệch góp vốn bằng tài sản	10.053.655.430	-
Thu nhập khác	82.949.644	2.102.600.958
<b>Cộng</b>	<b>155.994.985.600</b>	<b>9.360.682.849</b>

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhượng bán tài sản	167.084.325.134	230.552.492
Chi phí khác	25.524.002	2.558.459.123
<b>Cộng</b>	<b>167.109.849.136</b>	<b>2.789.011.615</b>

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(43.819.344.141)	(32.496.105.237)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(43.819.344.141)	(32.496.105.237)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.555.394	12.020.516
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(3.233)</b>	<b>(2.703)</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## VI. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận được lập dựa trên kết quả kinh doanh của các đơn vị như sau:

CHỈ TIÊU	Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội	Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Công ty TNHH Quản lý và KD Đầu tư BDS Hà Nội	Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội Phía Nam	Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng hải Hải Phòng	Loại trừ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	7.525.026.331	32.831.370.411	4.879.523.431	45.194.059.093	40.253.367.470		130.683.346.736
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	1.827.492.261	-	1.269.392.919	-	2.141.765.604	(5.238.650.784)	-
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	20.275.654.277	299.303.687	717.805.486	1.412.588.694	3.112.258.172		25.817.610.316
- Chi phí khấu hao	3.750.122.537	240.506.109	489.322.161	945.262.109	2.689.419.305		8.114.632.221
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ	16.525.531.740	58.797.578	228.483.325	467.326.585	422.838.867		17.702.978.095
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(33.248.920.056)	4.326.599.424	(879.240.770)	(25.468.016)	(2.064.751.972)		(31.891.781.390)
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định	46.702.046	225.774.546	38.471.073.770	14.890.870	1.010.174.727		39.768.615.959
6. Tài sản bộ phận	145.338.231.057	31.536.000.136	44.788.798.877	18.542.273.601	18.391.267.592		258.596.571.263
7. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-		-
Tổng tài sản							258.596.571.263
8. Nợ phải trả bộ phận	91.872.291.225	23.021.493.307	30.908.368.405	4.788.667.929	9.716.920.031		160.307.740.897
9. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-		-
Tổng nợ phải trả							160.307.740.897

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

*Giao dịch với các bên liên quan*

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Doanh thu với bên liên quan</b>	<b>2.340.205.839</b>	<b>1.766.047.811</b>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.726.008.627	1.766.047.811
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	614.197.212	-
<b>Vay vốn</b>	<b>1.321.320.666</b>	<b>7.500.000.000</b>
Công ty TNNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	1.321.320.666	7.500.000.000
<b>Trả vốn vay</b>	<b>7.821.320.666</b>	-
Công ty TNNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	7.821.320.666	-
<b>Góp vốn đầu tư</b>	<b>39.234.000.000</b>	-
Công ty TNNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	37.500.000.000	-
Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam	1.734.000.000	-
<b>Chuyển nhượng vốn góp tại cho đơn vị khác</b>	<b>9.375.000.000</b>	-
Công ty TNNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	9.375.000.000	-

*Số dư với các bên liên quan*

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>1.726.008.627</b>	<b>1.766.047.811</b>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.726.008.627	1.766.047.811
<b>Các khoản phải trả</b>	<b>2.343.970.086</b>	<b>7.129.760.000</b>
Công ty TNNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	12.385.015	6.500.000.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	2.331.585.071	629.760.000

**2. Số liệu so sánh.**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán Kiểm toán (AASC). Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại để phù hợp với mục đích so sánh của Báo cáo tài chính này.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Người lập

Nguyễn Lan Anh

Kế toán trưởng

Hoàng Duy Anh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Phúc

# PHỤ LỤC SỐ 02

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI

CHI NHÁNH  
HÀ NỘI

